TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2024/HC-PT
Ngày: 24-7-2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn Thường**
- *Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Cường**
Ông **Đinh Phước Hòa**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 101/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1236/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:***

1. Ông Thạch C; Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch C*, bà* Nguyễn Thị D: Ông Lê Thanh T; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện tại: Số A T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 - chức vụ: Phó chủ tịch U. Địa chỉ: A L, TP ., tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn N - Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Địa chỉ: F C, TP B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là ông Lê Thanh T ***trình bày:***

- Bà Nguyễn Thị Đ sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.942,1m^2 có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C1 ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 77Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 06/06/2012 đến ngày 31/12/2035 (diện tích thực tế tăng 430.1m2 so với hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê).

- Ông Thạch C sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.874,2m^2 (trong đó diện tích thu hồi 5.202,9m2 và diện tích còn lại 1.671,3m2 đã thu hồi đợt 1 được phê duyệt theo phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B) có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C1 ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 76Đ1/2012/HĐ với diện tích 5.922 m^2, thời hạn hợp đồng từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2035.

(Các thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh Đ *thu hồi giao* Trung tâm P *quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017)*.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ: bà Nguyễn Thị Đ là 1.818.715.386 đồng, ông Thạch C là 1.124.899.195 đồng. Các hộ đã nhận đủ số tiền nêu trên và bàn giao mặt bằng các thửa đất thu hồi.

Đối với 02 thửa đất nêu trên của 02 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022. Tuy nhiên, UBND thành phố B mới chỉ phê duyệt các khoản hỗ trợ: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng lại chưa phê duyệt khoản Hỗ trợ khác theo Khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, việc không phê duyệt Hỗ trợ khác là xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của 02 hộ gia đình.

Đối chiếu theo quy định tại điểm d Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì 02 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C đáp ứng các điều kiện được hưởng Hỗ trợ khác, cụ thể:

- Là hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán *(có các Hợp đồng giao khoán).*

- Thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(vì 02 khoản hỗ trợ này đã được phê duyệt trong Phương án bồi thường, hỗ trợ của* U *nêu trên).*

- Đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T2, giao địa phương, tổ chức dịch vụ công quản lý,… *(cụ thể là* UBND tỉnh Đ *thu hồi của* Công ty TNHH MTV C1, *giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017).*

- Tại thời điểm lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất *(vì Nhà nước thu hồi đất năm 2017, nhưng đến năm 2022 thì* UBND thành phố B *mới phê duyệt Phương án bồi thường tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022).*

Theo viện dẫn căn cứ pháp lý nêu trên *(từ Luật đất đai, đến Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của* UBND tỉnh Đ*)* thì khoản Hỗ trợ khác là một hạng mục riêng biệt, được quy định cụ thể tại một Điều khoản riêng, do đó phải được áp dụng nếu đủ điều kiện theo quy định.

Như vậy, việc UBND thành phố B không phê duyệt Hỗ trợ khác là xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của 02 hộ gia đình nêu trên, vì vậy các hộ làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B đối với 02 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C.

- Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt bổ sung khoản kinh phí Hỗ trợ khác đối với 02 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C theo quy định tại Khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B **-** ***ông*** Lê Đại T1 ***trình bày:***

- Hộ ông Thạch C sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.202,9m^2 có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV C1 (HĐ số 76 Đ1/2012/HĐ).

- Hộ bà Nguyễn Thị Đ sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.942,1m^2 có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV C1 (HĐ số 77Đ1/2012/HĐ).

Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 (do Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có 02 thửa đất do bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019. Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án nêu trên tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND, theo đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ là 1.818.715.386 đồng, kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Thạch C là 1.124.899.195 đồng, bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

Đối với nội dung ông Thạch C và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện buộc UBND thành phố B bổ sung hỗ trợ khác theo Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ. Tại Điều 18 và Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ đều quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, trong hộ gia đình ông C và bà Đ vừa có nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C2 đã nghỉ chế độ hưu trí vừa có nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên, do đó UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho 02 gia đình theo khoản 2, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ (ông C với số tiền 762.976.000 đồng, bà Đ với số tiền 820.216.500 đồng). Do UBND thành phố đã áp dụng Khoản 2, Điều 18 cho nên không áp dụng Khoản 3, Điều 20 là đúng quy định. Việc ông C và bà Đ đề nghị hỗ trợ khác theo Khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ- UBND của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở để thực hiện.

Đồng thời, ngày 21/7/2023, UBND tỉnh Đ có Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023 phúc đáp Công văn số 438/VKS-P10 ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nêu rõ: *"Trường hợp đã hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo mức hỗ trợ tại Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của* UBND tỉnh Đ *thì không được hỗ trợ khác theo Khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ- UBND ngày 15/3/2022 của* UBND tỉnh Đ *và ngược lại"*.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Thạch C và bà Nguyễn Thị Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của ông Thạch C và bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của ông Thạch C và bà Nguyễn Thị Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3) đối với phần bồi thường,

hỗ trợ cho các hộ bà Nguyễn Thị Đ khi thu hồi thửa đất số 92, tờ bản đồ số 07 và ông Thạch C khi thu hồi thửa đất số 28 tờ bản đồ số 07 tại cùng địa chỉ tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hộ Nguyễn Thị Đ khi thu hồi thửa đất số 92, tờ bản đồ số 07 và ông Thạch C khi thu hồi thửa đất số 28 tờ bản đồ số 07 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/02/2024, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo không chấp nhận với nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hộ Nguyễn Thị Đ khi thu hồi thửa đất số 92, tờ bản đồ số 07 và ông Thạch C khi thu hồi thửa đất số 28 tờ bản đồ số 07 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét nội dung kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Hộ bà bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C sử dụng các thửa đất số Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 07 tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc nhận khoán của Công ty TNHH MTV C1 trên cơ sở các hợp đồng giao khoán, thời hạn ghi trong hợp đồng đến năm 2035. Tuy nhiên, ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty TNHH C1, trong đó có phần đất giao khoán của các hộ bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C. Đến ngày 29/12/2022 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3).

[1.2] Bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Như

vậy, bà Nguyễn Thị Đ và ông Thạch C được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, cụ thể:

[1.3] Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất.

"Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định".

[1.4] Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CPdiện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được* Ủy ban nhân dân tỉnh T2 *của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp...nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng…thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do* Ủy ban nhân dân tỉnh B *đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này*"..

[1.5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm UBND thành phố B không cung cấp chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà

nước thu hồi đất; Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bà Nguyễn Thị Đ khi thu hồi thửa đất số 92, tờ bản đồ số 07 và ông Thạch C khi thu hồi thửa đất số 28 tờ bản đồ số 07 tại cùng địa chỉ tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hộ Nguyễn Thị Đ khi thu hồi thửa đất số 92, tờ bản đồ số 07 và ông Thạch C khi thu hồi thửa đất số 28 tờ bản đồ số 07 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 00012808 ngày 03/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Thường